

Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo xu hướng phát triển bền vững

13/07/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, xác định những nội dung cần bổ sung, sửa đổi và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao hiệu quả thực thi, không chỉ góp phần thu hút dòng vốn đầu tư mà còn định hướng các dự án có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và gắn với trách nhiệm xã hội.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài xanh; pháp luật ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài; phát triển bền vững.

Abstract: The article analyzes and evaluates the current state of legal regulations on foreign direct investment incentives in Vietnam. On this basis, the article examines international experience, identifies contents that need amendment and supplementation, and proposes solutions to: perfect the law on foreign direct investment incentives; enhance the effectiveness of implementation and attract investment flows; guide projects toward high added value, environmental friendliness, and social responsibility.

Keywords: Green foreign direct investment; law on foreign direct investment incentives; sustainable development.



Ảnh minh họa: Nguồn Internet.

1. Đặt vấn đề

Trong hơn một thập kỷ qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Năm 2024, vốn FDI giải ngân đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023 và chiếm khoảng 16,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội[1]. Tuy nhiên, cùng với mục tiêu tăng trưởng, Việt Nam đã cam kết tại COP26 đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050[2], đòi hỏi điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư theo hướng gắn với các tiêu chí ESG thay vì chỉ dựa vào ưu đãi thuế và đất đai.

Thực tiễn cho thấy cơ chế ưu đãi đầu tư còn thiếu chọn lọc và chưa gắn với hiệu quả thực chất. Chính sách ưu đãi dàn trải ước tính làm giảm thu ngân sách khoảng 30.000 – 40.000 tỷ đồng mỗi năm[3]. Đồng thời, việc thu hút các dự án FDI công nghệ lạc hậu, phát thải lớn đã gây hệ quả môi trường đáng kể, điển hình như vụ việc Vedan. Nhiều khu, cụm công nghiệp tại khu vực phía Nam cũng bị đưa vào diện giám sát do nguy cơ ô nhiễm cao[4]. Điều này cho thấy chi phí ngoại ứng từ chính sách ưu đãi thiếu chọn lọc đang làm suy giảm hiệu quả phát triển bền vững.

Luật Đầu tư năm 2025 đã bước đầu điều chỉnh chính sách ưu đãi theo hướng có chọn lọc, song việc tích hợp tiêu chí ESG và cơ chế hậu kiểm vẫn chưa đầy đủ. Trong khi đó, xu hướng quốc tế được nhấn mạnh trong các báo cáo của UNCTAD cho thấy ưu đãi đầu tư cần được thiết kế minh bạch, có điều kiện và gắn với kết quả thực hiện[5].

Vì vậy, cần hoàn thiện pháp luật về ưu đãi FDI theo hướng vừa bảo đảm thu hút dòng vốn chất lượng, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển bền vững

2.1. Khái niệm và vai trò của ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài

Ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là công cụ chính sách nhằm khuyến khích nhà đầu tư thực hiện dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội[6]. Theo Điều 14 Luật Đầu tư năm 2025, các ưu đãi chủ yếu bao gồm ưu đãi thuế, đất đai và hỗ trợ hạ tầng, nhân lực[7].

Trong bối cảnh Việt Nam, ưu đãi FDI có hai chức năng cơ bản: thu hút dòng vốn quốc tế và định hướng cơ cấu đầu tư. Theo đó, chính sách ưu đãi không chỉ nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh mà còn điều tiết dòng vốn vào các lĩnh vực ưu tiên như công nghệ cao và phát triển xanh, góp phần định hình mô hình tăng trưởng bền vững[8].

2.2. Khái niệm phát triển bền vững và mối liên hệ với ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài

Phát triển bền vững được xác định là sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai[9]. Quan điểm này đã được thể chế hóa trong Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc với hệ

thông các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và được Việt Nam nội luật hóa thông qua các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia^[10].

Trong lĩnh vực đầu tư, ưu đãi FDI là công cụ điều tiết chính sách nhằm định hướng dòng vốn phù hợp với chiến lược phát triển. Tuy nhiên, việc thiết kế ưu đãi chủ yếu dựa trên quy mô vốn, chưa tính đến chi phí ngoại ứng, có thể dẫn đến hệ quả như xói mòn cơ sở thuế và gia tăng các dự án thâm dụng tài nguyên.

Trong bối cảnh thực hiện cam kết Net Zero tại COP26, việc tái cấu trúc ưu đãi đầu tư theo hướng “dựa trên hiệu quả thực tế” trở thành yêu cầu cấp thiết. Theo đó, ưu đãi cần được gắn với các tiêu chí ESG, ưu tiên các lĩnh vực như công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và nghiên cứu phát triển, đồng thời thiết lập cơ chế sàng lọc và giám sát đối với nhà đầu tư.

Như vậy, mối liên hệ giữa phát triển bền vững và ưu đãi FDI thể hiện ở việc chuyển từ mục tiêu thu hút vốn sang định hướng chất lượng dòng vốn. Ưu đãi đầu tư, trong trường hợp này, trở thành công cụ thể chế nhằm nội luật hóa các chuẩn mực phát triển bền vững; ngược lại, nếu không tích hợp ESG, chính sách ưu đãi có thể làm gia tăng rủi ro “FDI giá rẻ” và suy giảm hiệu quả dài hạn của nền kinh tế.

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài dưới góc độ phát triển bền vững và đối chiếu kinh nghiệm quốc tế

Pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện các quy định về ưu đãi đầu tư. Luật Đầu tư năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành hướng tới mục tiêu thu hút dòng vốn FDI, đặc biệt là vào các ngành nghề và địa bàn được ưu tiên, cụ thể như sau:

3.1. Ưu đãi thuế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chính sách ưu đãi thuế đối với FDI trong pháp luật Việt Nam được thiết kế như công cụ điều tiết nhằm vừa thu hút dòng vốn quốc tế, vừa định hướng chất lượng đầu tư. Luật Đầu tư năm 2025 bước đầu thể hiện sự chuyển dịch khi gắn ưu đãi với các tiêu chí liên quan đến chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và ESG^[11].

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật quy định áp dụng thuế suất ưu đãi, miễn và giảm thuế có thời hạn theo ngành, nghề và địa bàn đầu tư^[12]. Đối với thuế nhập khẩu, cơ chế miễn thuế đối với hàng hóa tạo tài sản cố định góp phần giảm chi phí đầu tư ban đầu và hỗ trợ đổi mới công nghệ^[13]. Tuy nhiên, các tiêu chí ưu đãi hiện vẫn chủ yếu dựa trên yếu tố đầu vào, trong khi các tiêu chí đầu ra như mức độ giảm phát thải hoặc đóng góp công nghệ chưa được lượng hóa cụ thể.

Cách tiếp cận này làm phát sinh nguy cơ ưu đãi không gắn với hiệu quả thực chất, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn lực tài khóa. Thực tiễn cho thấy các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm vẫn được hưởng ưu đãi trong thời gian dài do thiếu cơ chế hậu kiểm hiệu quả^[14].

So với chuẩn mực quốc tế, chính sách ưu đãi thuế của Việt Nam chưa phản ánh đầy đủ xu hướng chuyển sang thu hút dòng vốn chất lượng cao. OECD khuyến nghị ưu đãi cần gắn với mức độ đóng góp thực tế của dự án theo khung “FDI Qualities”^[15], trong khi UNCTAD nhấn mạnh việc liên kết ưu đãi đầu tư với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)^[16]. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện chưa thiết lập các tiêu chí định lượng và cơ chế đánh giá dựa trên kết quả để điều chỉnh ưu đãi trong suốt vòng đời dự án.

3.2. Ưu đãi đất đai và hạ tầng

Pháp luật Việt Nam đã từng bước hoàn thiện khung ưu đãi đất đai và hạ tầng thông qua Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn, tạo điều kiện giảm chi phí tiếp cận đất và triển khai dự án FDI^[17]. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi còn chịu tác động bởi các hạn chế về quỹ đất và hạ tầng kỹ thuật. Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp tại nhiều địa phương đạt mức cao, trong khi hệ thống xử lý môi trường tại cụm công nghiệp còn hạn chế, làm gia tăng rủi ro sinh thái^[18].

Về mặt chính sách, ưu đãi đất đai hiện vẫn chủ yếu dựa trên tiêu chí ngành, nghề và địa bàn, chưa gắn với các điều kiện định lượng về môi trường và tiêu chuẩn ESG. Điều này làm giảm hiệu quả định hướng dòng vốn FDI theo mục tiêu phát triển bền vững và có thể làm phát sinh chi phí ngoại ứng đối với địa phương tiếp nhận đầu tư.

Cơ chế hậu kiểm và điều chỉnh ưu đãi trong pháp luật Việt Nam còn mang tính nguyên tắc. Mặc dù Luật Đầu tư năm 2025 cho phép chấm dứt hoặc điều chỉnh ưu đãi khi nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện, song chưa thiết lập tiêu chí định lượng và quy trình thực thi rõ ràng^[19]. Thực tiễn cho thấy, các vi phạm môi trường của doanh nghiệp FDI chủ yếu bị xử lý hành chính mà chưa gắn với cơ chế điều chỉnh ưu đãi đã được hưởng^[20].

So với Việt Nam, nhiều quốc gia đã thiết kế cơ chế ưu đãi gắn với điều kiện cụ thể và có khả năng cường chế cao. Tại Singapore, quyền thuê đất công nghiệp được điều kiện hóa bằng các tiêu chuẩn công trình xanh; tại Malaysia, ưu đãi thuế xanh gắn với nghĩa vụ báo cáo và cơ chế truy hoàn; trong khi tại Hoa Kỳ, các ưu đãi tài khóa theo Đạo luật Giảm lạm phát (IRA) được thiết kế dựa trên các chỉ tiêu định lượng và có cơ chế thu hồi khi không đáp ứng điều kiện. Các mô hình này cho thấy ưu đãi đầu tư chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với tiêu chí ESG và cơ chế hậu kiểm chặt chẽ.

3.3. Bất cập của quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài nhìn từ yêu cầu phát triển bền vững

Thứ nhất, thiếu cơ chế hậu kiểm.

Pháp luật hiện hành mới tập trung vào điều kiện cấp ưu đãi, trong khi chưa thiết lập cơ chế hậu kiểm tương xứng với mức độ ưu đãi được hưởng. Các ưu đãi FDI, về bản chất là một dạng chi tiêu thuế, nhưng chưa được quản lý như một danh mục cần báo cáo

và đánh giá định kỳ[21]. Thực tiễn cho thấy sự thiếu liên kết giữa chế tài môi trường và cơ chế ưu đãi, khi doanh nghiệp vi phạm vẫn có thể tiếp tục thụ hưởng ưu đãi, điển hình như trường hợp Công ty Lee & Man tại khu vực sông Hậu[22]. Điều này làm giảm hiệu quả điều tiết của chính sách ưu đãi đối với mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ hai, thiếu minh bạch về chi tiêu thuế.

Theo thông lệ quốc tế, ưu đãi thuế được coi là một khoản chi tiêu ngân sách cần được công khai và giám sát. Tuy nhiên, Việt Nam chưa thiết lập báo cáo chi tiêu thuế quốc gia định kỳ, dẫn đến khó khăn trong việc lượng hóa hiệu quả của các ưu đãi FDI[23]. Trong khi đó, quy mô chi tiêu thuế là đáng kể, ước tính chiếm khoảng 7–8% tổng thu thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm[24]. Việc thiếu minh bạch làm hạn chế khả năng đánh giá hiệu quả chính sách và tiềm ẩn rủi ro đối với an ninh tài khóa.

Thứ ba, chậm thích ứng với thuế tối thiểu toàn cầu.

Việc áp dụng cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024 làm suy giảm hiệu quả của các ưu đãi thuế truyền thống dựa trên mức thuế suất thấp. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành chưa thiết lập đầy đủ các công cụ ưu đãi thay thế phù hợp, làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gia tăng[25].

Thứ tư, chưa gắn kết ưu đãi với tiêu chí ESG.

Mặc dù Luật Đầu tư năm 2025 đã xác định các hình thức và đối tượng ưu đãi, các tiêu chí ESG vẫn chưa được tích hợp như điều kiện bắt buộc. Do đó, các dự án có mức độ tác động môi trường khác nhau vẫn có thể tiếp cận ưu đãi ở mức tương đương. Thực tiễn cho thấy một số dự án FDI vi phạm môi trường vẫn tiếp tục được hưởng ưu đãi do thiếu cơ chế điều chỉnh tương ứng[26]. Điều này làm suy giảm vai trò của chính sách ưu đãi như một công cụ định hướng dòng vốn chất lượng cao.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài gắn với phát triển bền vững

Từ các hạn chế đã phân tích, việc hoàn thiện pháp luật về ưu đãi FDI tại Việt Nam cần được định hướng theo một số nội dung trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả điều tiết chính sách và bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

(i) Hoàn thiện cơ chế hậu kiểm đối với ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài

Pháp luật cần thiết lập cơ chế hậu kiểm có tính hệ thống và ràng buộc đối với các dự án FDI được hưởng ưu đãi. Theo đó, cần bổ sung quy định trong Luật Đầu tư năm 2025 và pháp luật thuế liên quan theo hướng yêu cầu doanh nghiệp thụ hưởng ưu đãi phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về việc tuân thủ các nghĩa vụ môi trường - xã hội và các cam kết đầu tư. Các báo cáo này cần gắn với hệ thống chỉ số đo lường cụ thể, như cường độ phát thải, tỷ lệ lao động có kỹ năng và mức độ nội địa hóa công nghệ, nhằm làm cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện dự án.

Trên cơ sở kết quả hậu kiểm, cơ quan quản lý nhà nước cần được trao thẩm quyền điều chỉnh, đình chỉ hoặc thu hồi ưu đãi trong trường hợp dự án không đáp ứng các tiêu chí đã cam kết. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quốc tế trong việc gắn ưu đãi đầu tư với kết quả thực hiện và tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần bảo đảm tính hiệu lực của chính sách và nâng cao chất lượng dòng vốn FDI[27].

(ii) Tăng cường minh bạch về chi tiêu thuế

Để nâng cao tính công khai và khả năng giám sát chính sách, cần thiết lập Báo cáo chi tiêu thuế quốc gia định kỳ do Bộ Tài chính chủ trì và công bố trên các cổng thông tin chính thức. Báo cáo này cần phản ánh đầy đủ quy mô các ưu đãi thuế áp dụng đối với FDI, bao gồm thuế TNDN, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các hình thức miễn, giảm tiền thuê đất; đồng thời tích hợp phân tích chi phí - lợi ích và đánh giá mức độ đóng góp của khu vực FDI đối với ngân sách và thị trường lao động.

(iii) Thích ứng với thuế tối thiểu toàn cầu

Trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, pháp luật Việt Nam cần thiết kế các công cụ thay thế phù hợp đối với các ưu đãi thuế truyền thống nhằm duy trì hiệu quả thu hút FDI. Thay vì áp dụng các biện pháp hỗ trợ trực tiếp thông qua thuế suất, có thể tiềm ẩn rủi ro không tương thích với các chuẩn mực quốc tế, chính sách nên được định hướng theo các cơ chế hỗ trợ có điều kiện, như quỹ hỗ trợ đầu tư xanh, ưu đãi tín dụng đối với dự án công nghệ cao hoặc hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển gắn với tiêu chí giảm phát thải.

Cách tiếp cận này góp phần duy trì sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với các cam kết quốc tế và định hướng phát triển bền vững trong thu hút và sử dụng hiệu quả dòng vốn FDI[28].

(iv) Tích hợp tiêu chí phát triển bền vững và ESG vào hệ thống ưu đãi

Pháp luật về đầu tư và các văn bản hướng dẫn cần được hoàn thiện theo hướng gắn quyền thụ hưởng ưu đãi cao nhất đối với các dự án FDI với việc đáp ứng các tiêu chí về ESG. Các tiêu chí này có thể bao gồm việc sử dụng năng lượng tái tạo, áp dụng công nghệ sạch, thực hiện cam kết chuyển giao công nghệ và bảo đảm các điều kiện về lao động và an sinh xã hội.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia và khu vực kinh tế lớn đã thiết kế cơ chế ưu đãi đầu tư theo hướng gắn với các tiêu chuẩn xanh và đổi mới công nghệ, qua đó nâng cao hiệu quả định hướng dòng vốn và bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững[29]. Đây cũng là hướng đi tất yếu để Việt Nam tránh “bẫy FDI giá rẻ”, đồng thời thực hiện cam kết Net Zero 2050.

5. Kết luận

Ưu đãi FDI là một trong những công cụ pháp lý - chính sách quan trọng của Nhà nước nhằm nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư và định hướng dòng vốn phục

vụ các mục tiêu phát triển quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và chịu tác động từ cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu, mô hình ưu đãi truyền thống đã bộc lộ một số hạn chế, bao gồm việc thiếu cơ chế hậu kiểm hiệu quả, chưa bảo đảm minh bạch trong quản lý chi tiêu thuế, chưa tích hợp đầy đủ các tiêu chí ESG, cũng như chậm thích ứng với các chuẩn mực quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc hoàn thiện pháp luật về ưu đãi FDI cần được tiếp cận theo hướng cải cách có tính hệ thống, trong đó ưu đãi đầu tư không chỉ được sử dụng như công cụ thu hút vốn mà còn đóng vai trò định hướng dòng vốn gắn với chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và bảo đảm các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Việc điều chỉnh khuôn khổ pháp lý theo hướng này không chỉ góp phần duy trì năng lực cạnh tranh của môi trường đầu tư, mà còn tạo nền tảng cho việc thực hiện mô hình tăng trưởng bền vững và bao trùm trong giai đoạn tới./.

[1] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) (2024), *Báo cáo tình hình thu hút và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2024*, Hà Nội.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050; xem thêm cam kết của Việt Nam tại COP26.

[3] Bộ Tài chính (2024; 2025), *Báo cáo đánh giá chi tiêu thuế*, Hà Nội.

[4] Huy Tường (2023), “Hàng loạt khu, cụm công nghiệp khu vực phía Nam vào diện giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường”, *Tạp chí điện tử Kinh tế Môi trường*, truy cập tại: <https://kinhtemoitruong.vn/hang-loat-khu-cum-cong-nghiep-khu-vuc-mien-nam-vao-dien-giam-sat-cua-bo-tn-mt-76963.html> , truy cập ngày 14/04/2026.

[5] UNCTAD (2025), *World Investment Report 2025*, United Nations, Geneva, truy cập tại: <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2025> , truy cập ngày 14/04/2026.

[6] UNCTAD (2025), *World Investment Report 2025*, United Nations, Geneva, truy cập tại: <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2025> , truy cập ngày 14/04/2026.

[7] Luật Đầu tư năm 2025, Điều 14.

[8] OECD (2022), *FDI Qualities Indicators: Measuring the sustainable development impacts of investment*, OECD Publishing, Paris, tr. 45 – 47, <https://doi.org/10.1787/1c2f5c91-en>, truy cập ngày 14/04/2026.

[9] World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press.

[10] Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 622/QĐ-TTg; Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 681/QĐ-TTg.

[11] Điều 15 Luật Đầu tư năm 2025.

[12] Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

[13] Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 (sửa đổi), quy định về miễn thuế đối với hàng hóa tạo tài sản cố định.

[14] Bộ Tài chính (2022), *Báo cáo đánh giá chi tiêu thuế*, Hà Nội; các báo cáo thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về vi phạm môi trường của doanh nghiệp FDI tại Bình Dương và Đồng Nai.

[15] OECD (2022), *FDI Qualities Indicators: Measuring the sustainable development impacts of investment*, OECD Publishing, Paris.

[16] UNCTAD (2025), *World Investment Report 2025*, United Nations, Geneva.

[17] Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP; Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

[18] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), *Báo cáo tình hình phát triển khu công nghiệp Việt Nam năm 2024*, Hà Nội; Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia*, Hà Nội.

[19] Điều 15 Luật Đầu tư năm 2025.

[20] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia*; Thanh tra Chính phủ (2022), *Báo cáo công tác thanh tra doanh nghiệp FDI*, Hà Nội; xem thêm vụ việc ô nhiễm môi trường của Công ty Vedan Việt Nam.

[21] OECD (2022), *Tax Expenditures and Sustainable Investment*, OECD Publishing, Paris.

[22] Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường) (2022), *Báo cáo công tác quản lý môi trường đối với doanh nghiệp FDI*, Hà Nội.

[23] OECD (2022), *Tax Expenditures and Sustainable Investment*, OECD Publishing, Paris.

[24] Bộ Tài chính (2022), *Báo cáo đánh giá chi tiêu thuế*, Hà Nội.

[25] OECD (2023), *Global Minimum Tax Implementation Handbook*, OECD Publishing, Paris.

[26] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia*, Hà Nội; Thanh tra Chính phủ (2022), *Báo cáo công tác thanh tra đối với doanh nghiệp FDI*, Hà Nội; xem thêm vụ việc vi phạm môi trường của Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam tại khu vực sông Hậu.

[27] BCA Singapore, *Green Mark Certification Scheme*, Building and Construction Authority, Singapore, 2022.

[28] Reuters, *Global Minimum Tax implementation and impacts on FDI in Vietnam*, 2024.

[29] US Congress, *Inflation Reduction Act of 2022*, Public Law No. 117-169, 2022; European Commission, *A European Green Deal: Striving to be the first climate-neutral continent*, Brussels, 2020.